

Số: 33 /2023/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 08 tháng 12 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 8264/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 217/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Đối tượng áp dụng

a) Các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang trại và hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh thuộc xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Đối với nhóm sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và diềm du lịch, chủ thể, bao gồm: Các đối tượng trên và các hội/hiệp hội, Trung tâm điều hành hoặc tổ chức tương đương (theo điểm b khoản 3 Điều 1 Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Chi hỗ trợ xây dựng Đề án, Kế hoạch cấp tỉnh, huyện; hỗ trợ tư vấn phát triển sản phẩm, xây dựng hồ sơ sản phẩm bao gồm chi hỗ trợ điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu sản phẩm, thuê chuyên gia tư vấn xây dựng đề án, kế hoạch, xây dựng câu chuyện sản phẩm. Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Chi hỗ trợ xây dựng bộ công cụ hướng dẫn chuẩn hóa quy trình, tiêu chuẩn sản phẩm tham gia chương trình theo Bộ tiêu chí OCOP; tài liệu hướng dẫn; tập huấn, đào tạo cán bộ thực hiện Chương trình OCOP các cấp, cá nhân tham gia chu trình OCOP; thiết kế mẫu mã sản phẩm, bao bì đóng gói (chi thuê chuyên gia). Mức chi thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 3 và 6 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC.”.

c) Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 5 như sau:

“a) Chi thuê chuyên gia, đơn vị tư vấn đánh giá phân hạng, chi vận chuyển và bảo quản sản phẩm dự thi đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh, cấp huyện. Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 6 và khoản 10 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC.

b) Đối với mức chi hợp Hội đồng đánh giá, phân hạng các cấp (tỉnh, huyện) được áp dụng theo mức chi hợp tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung và mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

c) Đối với mức chi cho hoạt động của Tổ tư vấn Hội đồng đánh giá, phân hạng các cấp (tỉnh, huyện) quy định tại mục b, khoản 4, Phụ lục II Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ được áp dụng theo mức chi hoạt động của Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 10/2023/NQ-HĐND.

d) Chi phí thuê đơn vị tư vấn kiểm nghiệm/phân tích độc lập các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, các chỉ tiêu chất lượng đối với các sản phẩm (áp dụng đối với các sản phẩm được Hội đồng đánh giá, phân hạng cấp tỉnh, cấp huyện). Trong đó, cấp huyện đánh giá lần 1 đạt từ 50 điểm trở lên đảm bảo các quy định công nhận hạng 03 sao, cấp tỉnh đạt 70 điểm trở lên đảm bảo các yêu cầu về công nhận 04 sao theo quy định của Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP). Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Chi hỗ trợ tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu sản phẩm OCOP: Nội dung chi và mức chi thực hiện theo điểm d khoản 2 Điều 87 Thông tư số 55/2023/TT-BTC.”.

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Chi hỗ trợ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong truyền thông; xây dựng hồ sơ và quản lý dữ liệu sản phẩm OCOP, số hóa quá trình tiếp nhận hồ sơ, chấm điểm, phân hạng sản phẩm; số hóa sản phẩm và xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị sản phẩm OCOP: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC.”.

3. Sửa đổi tên Điều 4 và sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 4 như sau:

**“Điều 4. Hỗ trợ đối với các chủ thể có sản phẩm thuộc các nhóm ngành hàng: thực phẩm; đồ uống; dược liệu và sản phẩm từ dược liệu; thủ công mỹ nghệ; sinh vật cảnh”**

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Hỗ trợ chi phí tư vấn và chứng nhận lần đầu cho mỗi hệ thống khi xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (VietGap, GlobalGAP, GMP, ISO, HACCP...). Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 5 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Hội

đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam về quy định nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, đơn vị đặt hàng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Hỗ trợ kinh phí chứng nhận cho nhóm/chủng loại sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho nhóm/chủng loại sản phẩm, hàng hóa; đánh giá hợp chuẩn hợp quy: Tối đa 70% theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 50 triệu đồng cho nhóm/chủng loại sản phẩm, hàng hóa. Riêng chứng nhận sản phẩm hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở không quá 08 nhóm/chủng loại sản phẩm, hàng hóa trên 01 cơ sở.”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu (sở hữu trí tuệ) các sản phẩm OCOP: Mức chi theo điểm e khoản 2 Điều 87 Thông tư số 55/2023/TT-BTC.”.

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 14 như sau:

“14. Chi giải thưởng cho các sản phẩm đạt sao: Mức chi thực hiện theo điểm h khoản 2 Điều 87 Thông tư số 55/2023/TT-BTC. Số lượng các giải thưởng thực hiện theo quyết định công nhận sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mỗi sản phẩm OCOP chỉ được nhận giải thưởng một (01) lần ở cùng mức độ sao được công nhận, trường hợp được công nhận nâng hạng sao thì được thưởng thêm phần chênh lệch giữa hai mức độ sao.”.

4. Bổ sung khoản 15 vào sau khoản 14 Điều 4 như sau:

“15. Chi nâng cấp, hoàn thiện sản phẩm đã được đánh giá phân hạng và công nhận hạng sao (3 sao trở lên) gắn với nhu cầu trong nước và xuất khẩu; chi cho sản phẩm công nhận lại: Mức chi thực hiện theo Điều 3, Điều 4 Nghị quyết này. Trong đó, ưu tiên hoàn thiện các tiêu chí để xuất khẩu, các nội dung chi cho cùng một sản phẩm không trùng với nội dung đã được hỗ trợ, mỗi nội dung chỉ được hỗ trợ 01 lần.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

**“Điều 5. Hỗ trợ đối với các chủ thể có sản phẩm thuộc nhóm ngành dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch.**

1. Nội dung hỗ trợ: Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Mức hỗ trợ xây dựng sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch: Thực hiện theo khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách nhà nước để thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Xây dựng câu chuyện sản phẩm; thuê tư vấn giúp chủ thể OCOP lập hồ sơ, tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm thực hiện theo khoản 12, khoản 13 Điều 4 Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND.”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 6 như sau:

“b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% ở địa bàn thuộc 6 huyện miền núi cao (khu vực I); tối đa 70% ở địa bàn 3 huyện miền núi thấp và các xã miền núi thuộc các huyện đồng bằng, các xã bãi ngang ven biển theo các quy định hiện hành (khu vực II); tối đa 50% ở địa bàn thuộc các huyện, thị xã, thành phố còn lại (khu vực III), nhưng không quá 150 triệu đồng/điểm bán hàng. Mỗi đối tượng chỉ được hỗ trợ 01 lần. Trong đó, mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương không quá 50%.”

**Điều 2. Bãi bỏ khoản 9, khoản 10 Điều 4 và khoản 4 Điều 6 của Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025**

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2023. Các nội dung quy định tại Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị quyết này vẫn còn hiệu lực thi hành.

2. Đối với các nội dung đã được cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán hoặc đã được xác lập hồ sơ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND, Thông tư số 55/2023/TT-BTC và các quy định có liên quan; các nội dung mới triển khai sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này và các quy định có liên quan.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ mười tám thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Các Bộ: NN&PTNT, TC, KHĐT;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Việt Cường**